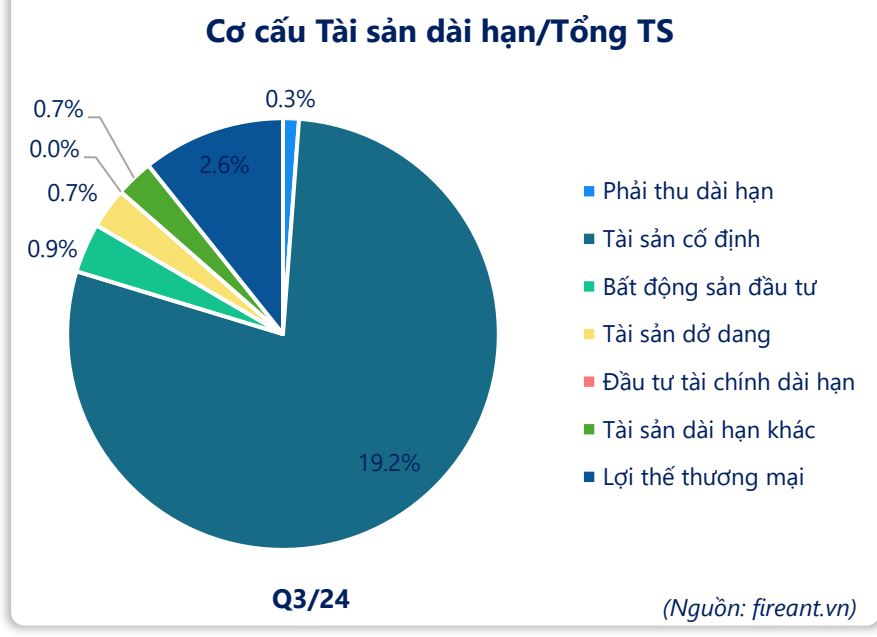
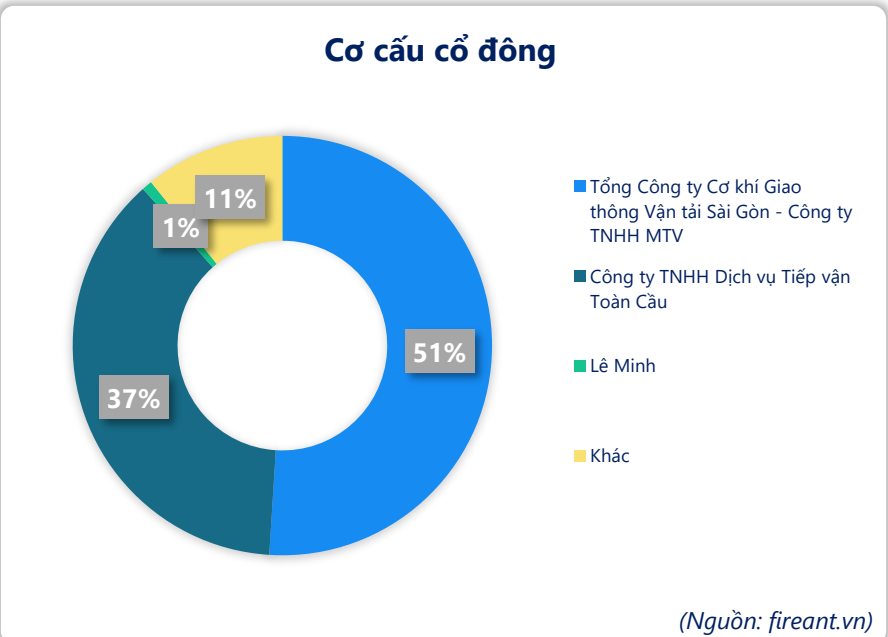
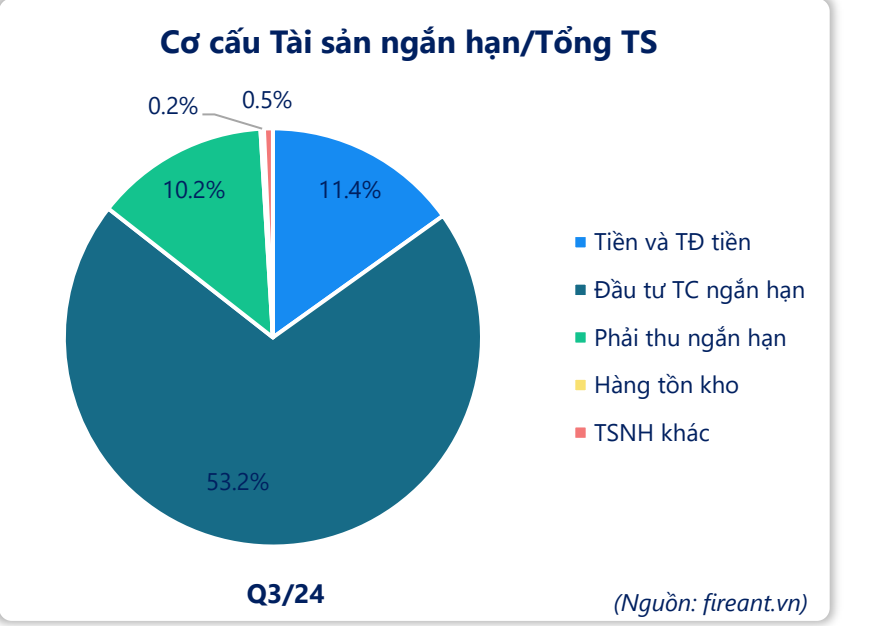
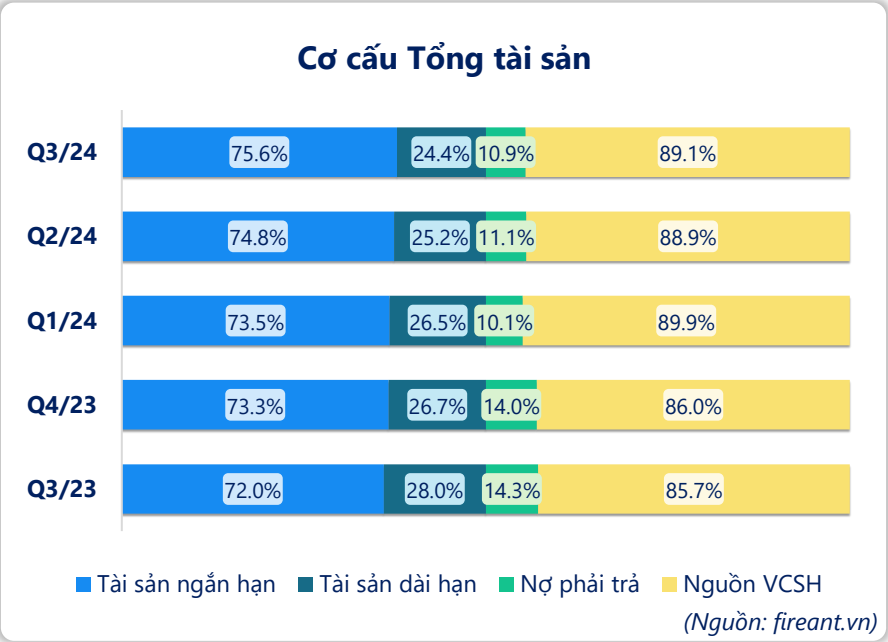
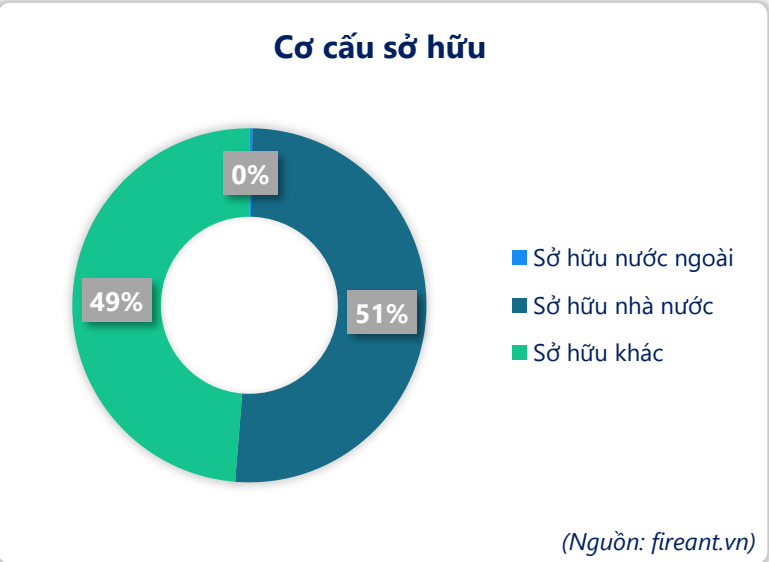
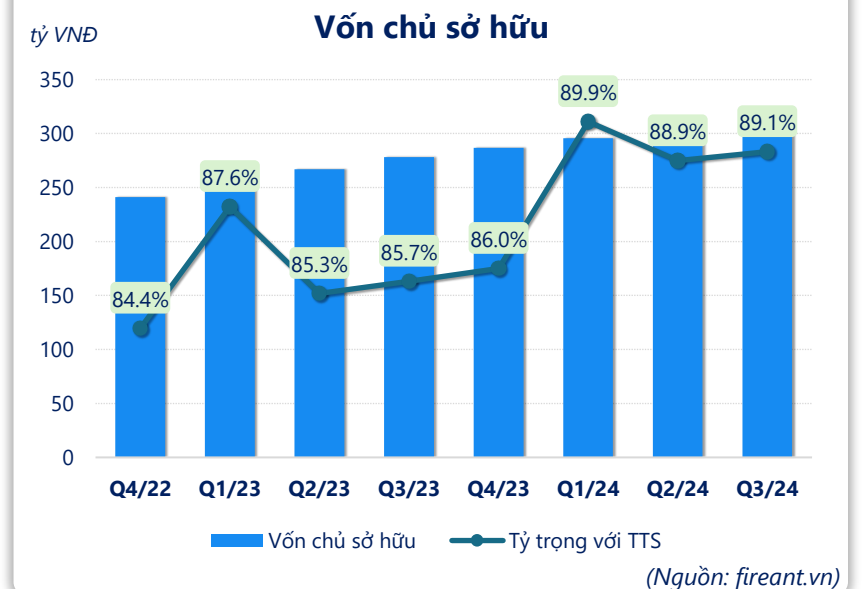
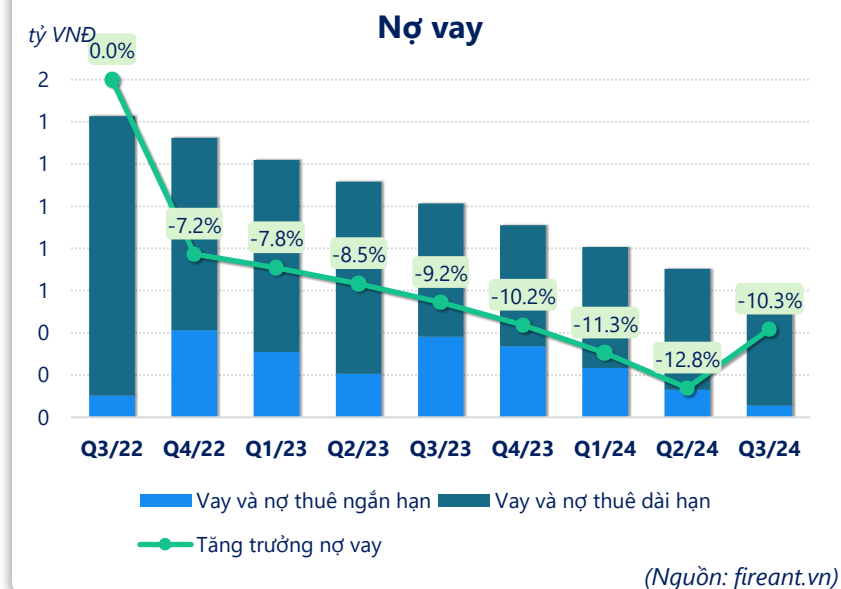
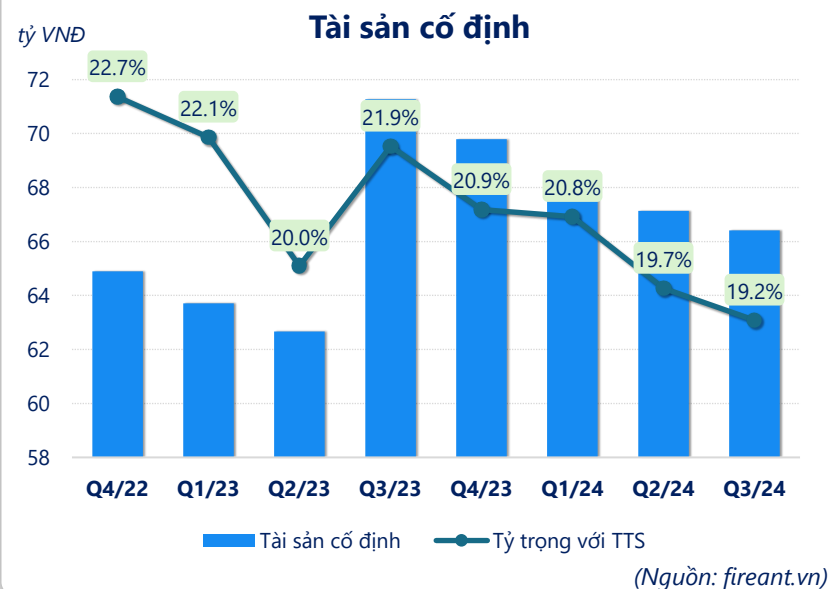
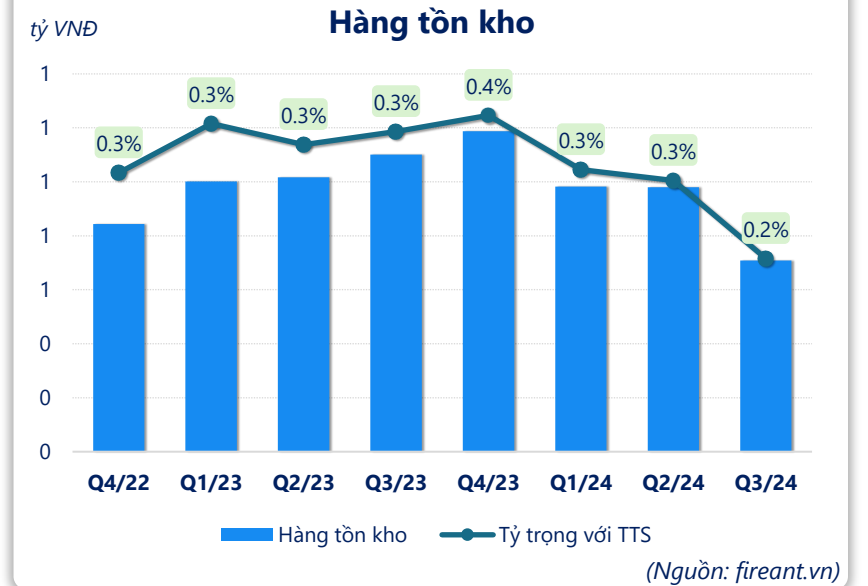
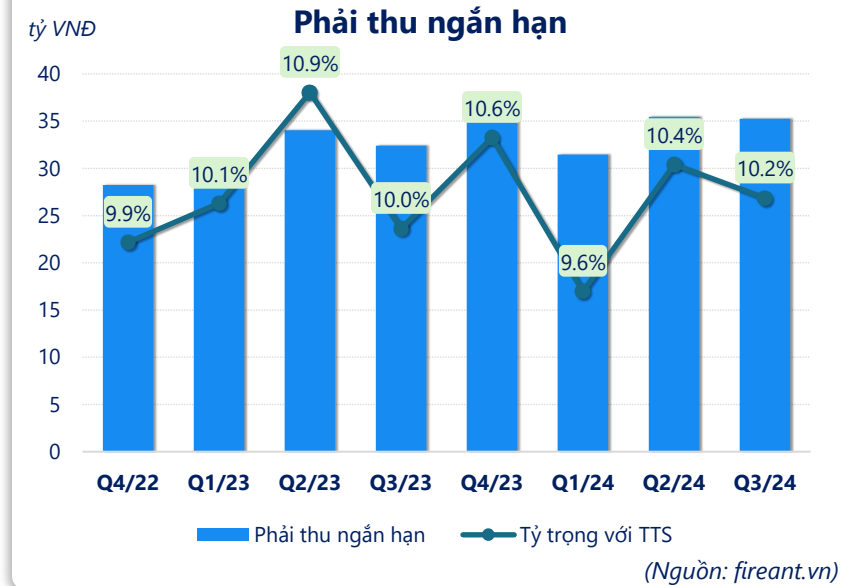
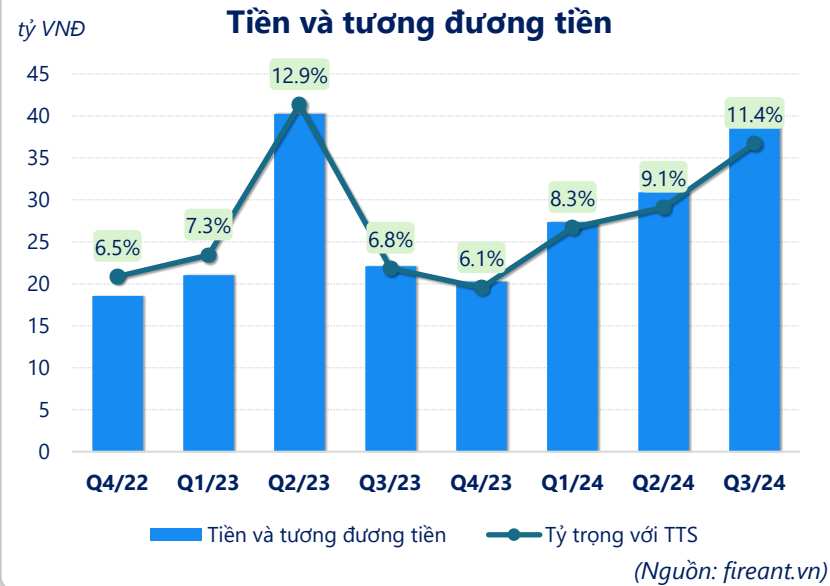
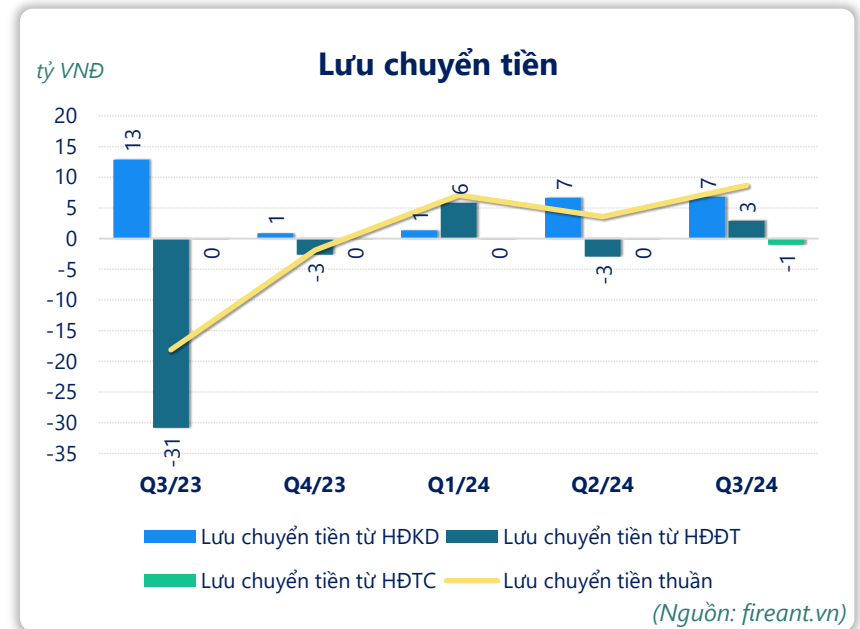
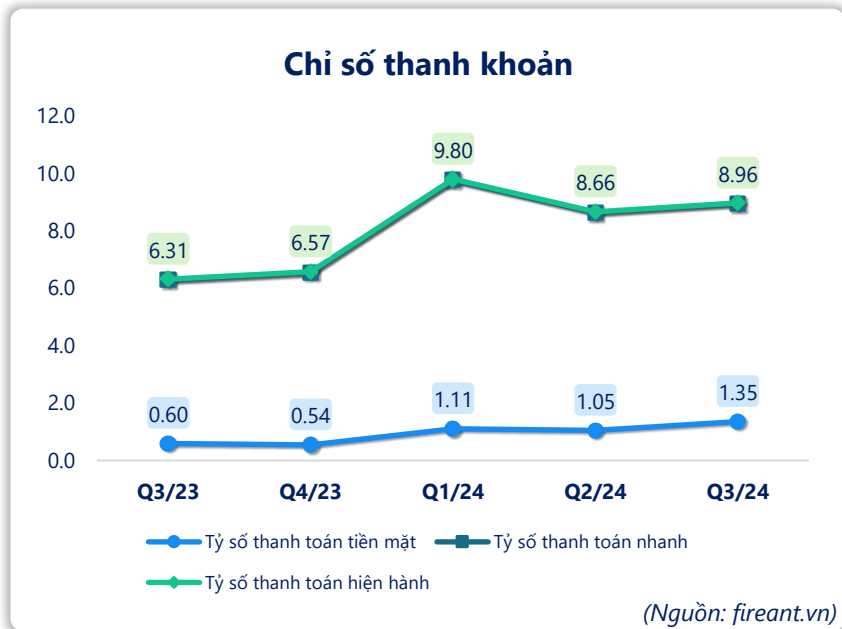
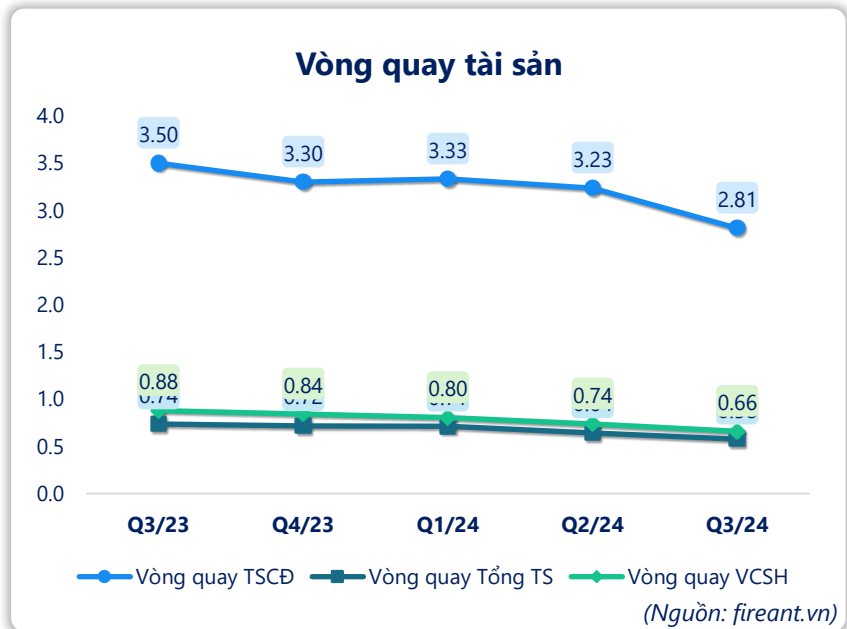
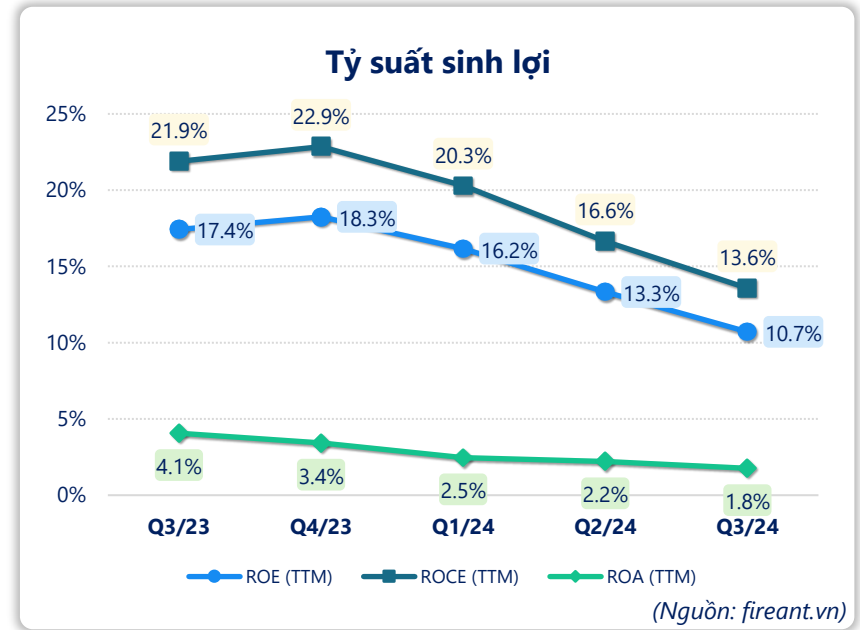
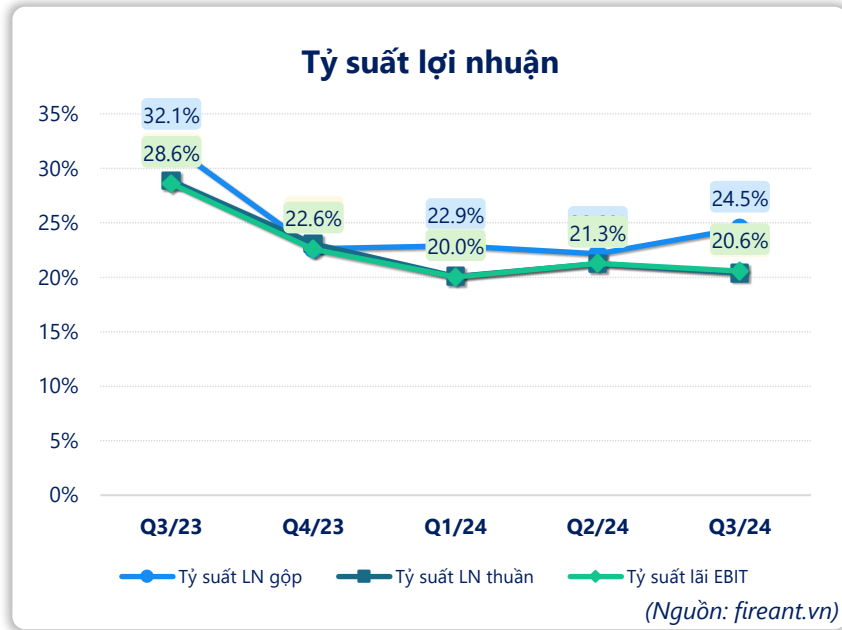
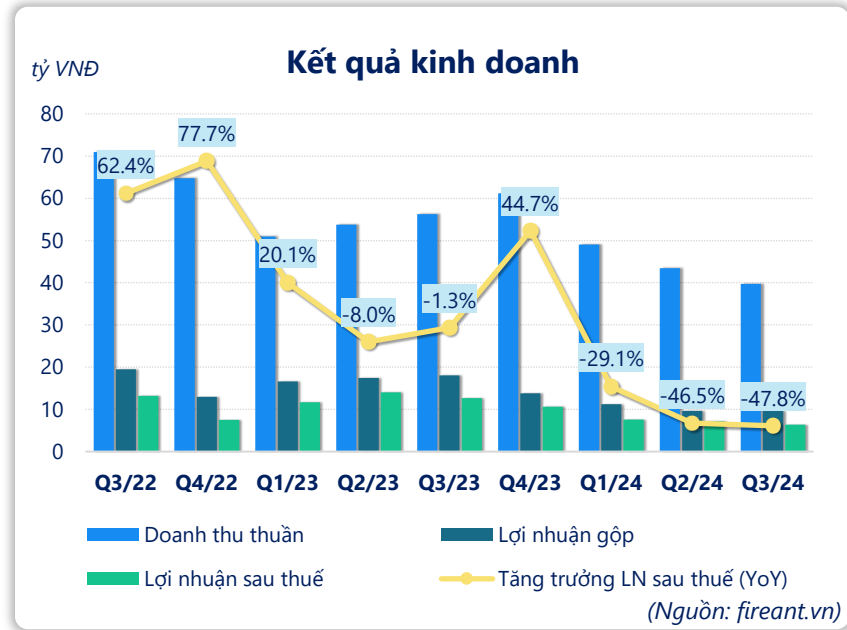


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		18,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,200
SL cổ phiếu LH		14,420,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		340
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		267
P/E		8.5
EPS		2,179

	YTD	1T	3T	6T
SGS	12.1%	2.8%	-9.8%	2.2%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	346	333	3.9%
Tài sản ngắn hạn	262	244	7.1%
Tiền và tương đương tiền	39.6	20.3	95.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	184	185	-0.4%
Phải thu ngắn hạn	35.2	35.3	-0.1%
Hàng tồn kho	0.71	1.19	-40.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.80	2.63	-31.8%
Tài sản dài hạn	84.6	89.0	-4.9%
Phải thu dài hạn	1.01	0.13	700%
Tài sản cố định	66.4	69.8	-4.9%
Bất động sản đầu tư	3.13	3.28	-4.5%
Tài sản dở dang	2.59	2.59	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.39	3.04	-21.5%
Lợi thế thương mại	9.07	10.2	-10.7%
Nợ phải trả	37.8	46.7	-19.1%
Nợ ngắn hạn	29.2	37.2	-21.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.06	0.34	-83.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.3	16.9	-39.2%
Nợ dài hạn	8.57	9.48	-9.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.57	0.57	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	309	287	7.6%
Vốn chủ sở hữu	309	287	7.6%
Vốn điều lệ	144	144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	56.3	61.1	49.0	43.5	39.8
Giá vốn hàng bán	38.2	47.3	37.8	33.8	30.0
Lợi nhuận gộp	18.1	13.8	11.2	9.63	9.73
Doanh thu HĐTC	1.34	5.89	1.65	2.51	2.05
Chi phí TC	0.04	0.05	0.03	0.03	0.08
Chi phí lãi vay	0.01	0.04	0.03	0.02	0.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.12	5.58	3.00	2.88	3.59
LN thuần từ HĐKD	16.2	14.1	9.85	9.24	8.10
Lợi nhuận khác	-0.16	-0.34	-0.05	-0.01	0.06
LN trước thuế	16.1	13.8	9.80	9.22	8.17
Lợi nhuận sau thuế	12.7	10.6	7.62	7.22	6.38
LNST của CĐ cty mẹ	12.5	10.6	7.64	7.23	5.92

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.8	0.87	1.35	6.64	6.80
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-30.8	-2.61	5.83	-2.93	2.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.14	-0.14	-0.10	-0.15	-1.00
Tiền đầu kỳ	40.2	22.1	20.3	27.3	30.9
Lưu chuyển tiền thuần	-18.1	-1.89	7.08	3.56	8.67
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.05	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	22.1	20.3	27.3	30.9	39.6

(Nguồn: fireant.vn)